

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TẤU
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 02/11/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI.

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bình Trọng;

2. Bà Hà Thị Anh Hào.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ A Say- Thư ký Toà án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Thông báo mở lại phiên tòa số: 01/2018/TB-MLPT ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị T, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Thôn km 21- M, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Sùng A S, sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn km 21- M, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06-8-2018; bản tự khai; các tài liệu có trong hồ sơ và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Chị và anh Sùng A S tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 25-12-2011 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau đám cưới hai người về chung sống tại thôn km21-M, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái, nhưng không đăng ký kết hôn. Chị và anh Sùng A S chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không

quan tâm chăm sóc đến gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh S đã nhiều lần đánh đập chị trước mặt con. Mâu thuẫn giữa chị và anh S đã được hai bên gia đình và chính quyền hòa giải, nhưng không hòa giải được vợ chồng không hàn gắn được tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể kéo dài, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Sùng A S.

Về con chung: Chị và anh Sùng A S có 01 con chung là Sùng Thanh S, sinh ngày 03-5-2012, sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Sùng Thanh S, vì hiện nay cháu S đang học tại trường Tiểu học K, thị trấn T, huyện T, cách nơi làm việc chị khoảng 5km, chị và cháu S hiện đang thuê nhà và sinh sống tại thị trấn T; thu nhập từ lương của chị là gần 8.000.000đồng. Vì vậy, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Sùng Thanh S và yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ và trong quá trình xét xử bị đơn là anh Sùng A S trình bày:

Việc chung sống giữa anh và chị Lò Thị T, đúng như chị T trình bày, còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh thường xuyên phải đi công tác xa nhà, chị T không thông cảm cho anh, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong chị T về đoàn tụ, còn nếu chị T nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung đúng như chị T trình bày, nếu phải ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Sùng Thanh S, vì cháu S có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, sau khi ly hôn anh sẽ đưa con xuống xã T ở cùng với bà nội và xin cho cháu S nhập học tại trường km17, xã T, huyện T, trường học ở gần nhà mẹ anh S, hiện nay anh đang công tác tại trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học và trung học cơ sở xã T, huyện T, cách xã T khoảng 50km, thi thoảng anh sẽ về thăm cháu S. Anh đề nghị chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000đồng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Lò Thị T có đơn khởi kiện "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" với bị đơn là anh Sùng A S; anh Sùng A S hiện đang cư trú tại thôn km21-M, xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Sùng A S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến nay, không có đăng ký kết hôn; việc chung

sống như vợ chồng được thể hiện tại sổ hộ khẩu gia đình, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân và lời khai của chị T và anh S. Quá trình chung sống chị T và anh S phát sinh mâu thuẫn, chị Lò Thị T đề nghị ly hôn anh Sùng A S cũng nhất trí. Do chị Lò Thị T và anh Sùng A S không có đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Lò Thị T và anh Sùng A S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Sùng A S có 01 con chung là Sùng Thanh S, sinh ngày 03-5-2012. Khi ly hôn chị T và anh S đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là quyền đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ, việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét về điều kiện nuôi dưỡng con của các bên, nhận thấy hiện cháu S đang học tại trường tiểu trường K, thị trấn T, huyện T gần chỗ làm việc của chị T, hơn nữa cháu S hiện này mới hơn 06 tuổi, cần có sự chăm sóc của người mẹ, nếu giao cho cháu S cho anh S nuôi dưỡng, sẽ không đảm bảo sự chăm sóc nuôi dưỡng tốt nhất vì theo anh S trình bày: Nếu được nuôi cháu S, anh sẽ mang cháu về cho bà Giàng Thị T (bà T là mẹ của anh S) trực tiếp nuôi dưỡng; bà T sinh năm 1945 (đã 73 tuổi), anh S là giáo viên thường xuyên công tác xa nhà, chỗ làm việc của anh S cách xã T (nhà mẹ anh S) là 50km. Vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, đảm bảo việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần của cháu S. Vì vậy, cần căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu S cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Sau khi ly hôn chị T đề nghị anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy, để đảm bảo cho cháu Sùng Thanh S được phát triển về thể chất, tinh thần cũng như nhằm ổn định cho việc cháu S được đến trường học hành và đảm bảo cho việc chị T yên tâm nuôi cháu S trưởng thành, do đó cần buộc anh S đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu S theo mức chị T yêu cầu là 1.500.000đồng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí:

+ Chị Lò Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

+ Anh Sùng A S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Lò Thị T và anh Sùng A S là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Sùng Thanh S, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2012.

Buộc anh Sùng A S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Sùng Thành S, mức tiền cấp dưỡng là 1.500.000 (*một triệu năm trăm nghìn*) đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Sùng A S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Lò Thị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Sùng A S không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng anh S phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

3.1. Về án phí:

- Chị Lò Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu số: AA/2013/03563, ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Sùng A S phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng định kỳ.

3.2. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Chi cục THAND huyện Trạm Tấu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lên

